TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày: 16-8-2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: *Bà Võ Thị Tuyết Trang- Kiểm sát viên*

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-DS ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện V, Kiên Giang. (Có mặt)

* Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2023, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà Trần Thị Hồng N làm chủ hụi, năm 2016 bà có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất mở ngày 13/02/2016 âm lịch, với số tiền 01 phần hụi là 1.000.000đ, dây hụi có 25 phần hụi, một tháng khui hụi 01 lần, bà tham gia góp 02 phần và đã bà góp được số tiền 42.500.000 đồng, thì bà N tuyên bố vỡ hụi và không trả tiền cho bà.

Dây thứ hai mở ngày 05/6/2016, số tiền 01 phần hụi là 1.000.000đ, dây hụi có 30 phần hụi một tháng khui hụi 01 lần, bà tham gia góp 02 phần hụi và đã góp được 34.000.000 đồng.

Dây thứ ba mở ngày 02/3/2017 số tiền 01 phần hụi là 2.000.000đ, dây hụi có 27 phần hụi một tháng khui hụi 01 lần, bà tham gia góp 01 phần hụi và đã góp được 16.000.000 đồng.

Tổng số tiền 03 dây hụi bà tham gia góp cho bà N là 92.500.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả lại cho bà số tiền 92.500.000 đồng.

Như vậy bà Trần Thị Hồng N đã thiếu tiền hụi của bà trong 03 dây hụi trên với số tiền là: 92.500.000 đồng, khi bà N tuyên bố vỡ hụi. Nhiều lần bà yêu cầu bà N trả tiền hụi nhưng bà N hẹn mà không trả tiền hụi cho bà và kéo dài cho đến ngày nay.

Bà N tự ngưng hụi vào ngày 29 tháng 8 năm 2017, bà xin trả tiền bằng số đã góp vào bà cũng đồng ý nhận số tiền đã góp vào là 54.125.000 đồng bà cũng thống nhất, nhưng yêu cầu tính lãi số tiền trên từ ngày 29/8/2017 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa bà B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 38.375.000 đồng, đồng thời khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả lãi số tiền 54.125.000 đồng, tính từ ngày 29/8/2017 đến ngày xét xử theo mức lãi suất pháp luật quy định.

*** Bị đơn bà Trần Thị Hồng N trình bày:**

Bà xác định quá trình tham gia hụi giữa bà B và bà là đúng sự thật. Nay bà bị bể hụi nên xin trả lại tiền vốn mà bà B đã góp. Nhưng xin đến khi nào bà thu được tiền của những hụi viên khác sẽ trả lại.

Tại phiên tòa bà B và bà N xác định hiện nay bà N còn nợ bà B số tiền hụi là 54.125.000 đồng. Bà N đồng ý trả lãi số tiền trên theo mức lãi suất nhà nước quy định cho bà B từ ngày 29/8/2017 đến ngày xét xử. Bà B yêu cầu trả một lần sau khi xét xử bà đồng ý tính lãi tròn theo tháng bỏ ngày lẽ, bà N xin trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Bà B và bà N thống nhất xác định hiện nay bà N còn nợ bà B số tiền hụi là 54.125.000 đồng. Bà N đồng ý trả số tiền hụi còn thiếu và lãi tính từ ngày 29/8/2017 đến ngày xét xử. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà N trả số tiền hụi còn thiếu và lãi suất tính từ ngày 29/8/2017 đến ngày xét xử cho bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn bà B yêu cầu bà N trả cho bà số tiền nợ hụi do bà đã góp cho bà N số tiền 54.125.000 đồng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"; bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Bà B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 38.375.000 đồng, đồng thời khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả lãi số tiền 54.125.000 đồng, tính từ ngày 29/8/2017 đến ngày xét xử theo mức lãi suất pháp luật quy định. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện và yêu cầu khởi kiện bổ sung không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu đối với số tiền 38.375.000 đồng, đồng thời chấp nhận xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả lãi số tiền 54.125.000 đồng, tính từ ngày 29/8/2017 đến ngày xét xử theo mức lãi suất pháp luật quy định đối với bà N.

[**2**] *Nội dung tranh chấp*: Nguyên đơn bà B và bị đơn bà N đều thống nhất bà N làm chủ hụi. Bà B có tham gia góp hụi do bà N làm chủ. Trong các dây hụi bà B tham gia bà chưa lĩnh phần hụi nào, số tiền bà B góp cho bà N là 54.125.000 đồng, đến ngày 29/8/2017 bà N tuyên bố bể hụi nhưng chưa trả số tiền bà B góp hụi từ khi tham gia hụi đến nay. Bà B đã nhiều lần yêu cầu bà N trả số tiền trên nhưng bà N không trả. Từ đó nên 02 bên phát sinh tranh chấp.

Nay bà B yêu cầu trả tiền vốn góp là 54.125.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Tứ ngày 29/8/2017. Bà N cũng thừa nhận hiện nay còn thiếu bà B tổng số tiền 54.125.0000 đồng và đồng ý trả lãi số tiền nợ hụi còn thiếu tính từ ngày 29/8/2017. HĐXX căn cứ Điều 92 (*Quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận đó là sự thật.

Xét yêu cầu của bà B thấy rằng: Bà N thừa nhận bà B tham gia hụi, đã góp hụi cho bà theo đúng thỏa thuận, nhưng các hụi viên khác khi lĩnh hụi xong không góp lại hụi cho bà nên bà tuyên bố vỡ hụi. Bà N thừa nhận từ khi vỡ hụi bà chưa trả lại số tiền bà B đã góp cho bà trong 03 dây hụi, không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi trả tiền hụi còn thiếu cho bà B. Điều này đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Nay bà B kiện yêu cầu bà N trả số tiền hụi còn thiếu là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi của bà B: Từ khi tuyên bố vỡ hụi ngày 29/8/2017 đến nay bà N không trả lại số tiền mà bà B đã góp trong 03 dây hụi do bà N làm chủ điều này đã vi phạm nghĩa vụ của hụi nên bà B yêu cầu tính lãi với số tiền hụi còn thiếu là phù hợp theo quy định tại Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên chấp nhận.

Số tiền lãi tính từ ngày 29/8/2017 đến ngày xét xử 16/8/2023 là 5 năm 11 tháng 17 ngày. Bà B thống nhất lấy tròn tháng là 5 năm 11 tháng, lãi suất được tính 01 năm là 10%. Như vậy tiền lãi của số tiền 54.125.000 đồng là: 54.125.000 đ x 10% x 5 năm 11 tháng = 32.025.700 đồng.

Như vậy tổng số tiền hụi còn thiếu và tiền lãi bà N phải trả cho bà B là 86.150.700 đồng.

Bà N có nại ra rằng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, các hụi viên không góp các phần hụi còn thiếu nên bà không còn khả năng giao các phần hụi cho các hụi viên được lĩnh hụi. Từ đó bà không thể thanh toán hết một lần số tiền nợ hụi cho bà B nên khi nào các hụi viên khác trả tiền hụi thì bà mới trả hết nợ cho bà B. Việc này không là không phù hợp vì nghĩa vụ của bà đối với bà B bà phải thực hiện, còn quyền lợi của bà đối với các hụi viên khác nếu có yêu cầu và phù hợp theo quy định, pháp luật sẽ bảo vệ cho bà trong vụ kiện khác, vì vậy nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến trình bày của bà.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà N trả cho bà B tổng số tiền nợ hụi 86.150.700 đồng.

[3]*Về án phí sơ thẩm*: Tiền án phí dân sự sơ thẩm 5% là 4.307.000 đồng, bị đơn bà Trần Thị Hồng N chịu toàn bộ. Nhưng bà N thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên bà N được miễn số tiền án phí theo quy định.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà B 2.312.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002836, ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 244, Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 468, Điều 471 của Bộ Luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi với bà Trần Thị Hồng N.

Buộc bà Trần Thị Hồng N phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ hụi còn thiếu là 86.150.700 đồng (trong đó tiền nợ hụi 54.125.000 đồng, lãi 32.025.700 đồng).

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị Hồng N không trả đủ số tiền trên thì bà N còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà B với số tiền 38.375.000 đồng đối với bà N.

3. Về án phí: Tiền án phí dân sự sơ thẩm 5% là 4.307.000 đồng, bị đơn bà Trần Thị Hồng N chịu toàn bộ. Nhưng bà N thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên bà N được miễn số tiền án phí theo quy định.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà B 2.312.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002836, ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2023)./.

Nơi nhận:
THẨM PHIÊN TÒA
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA